

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Hà Nội, tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên Hội đồng quản trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên Ban Kiểm soát

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Tổng Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

Số: 722 /2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc
ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 26/08/2019, từ trang 8 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- 1- Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty chưa có Biên bản bàn giao số liệu kế toán từ Công ty TNHH NN MTV sang Công ty cổ phần do chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.
- 2- Chúng tôi chưa có những tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được tổn thất (nếu có) của các khoản Đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 02.c (Trang 23) và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 02.d (Trang 24).

- 3- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là cổ đông sáng lập và sở hữu 2,149% Vốn Điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng đầu năm 2019 chưa bao gồm Phần lãi hoặc lỗ được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia.
- 4- Cũng như đã trình bày ở Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2018, tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung vẫn tồn tại vấn đề liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp. Cụ thể như sau:

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp (gọi tắt là “Xí nghiệp”) là đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã ngừng hoạt động từ năm 2014 do ông Nguyễn Duy Xuyên – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/04/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44 (Đ2) ngày 05/08/2013 khởi tố bị can đối với ông Nguyễn Duy Xuyên và Lệnh bắt tạm giam số 76/PC44 (Đ2) cùng ngày. Theo Bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/09/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương và Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, điểm a của Bộ Luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Theo bản án phúc thẩm số 535/2018/HSPT ngày 14-15/08/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29-30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Xí nghiệp không thể lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã sử dụng số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Xí nghiệp với tổng tài sản là 79.414.469.598 đồng, nợ phải trả là 80.348.210.708 đồng và tổng vốn chủ sở hữu là âm 933.741.110 đồng để tổng hợp lên Báo cáo tài chính của toàn Công ty. Một số khoản công nợ và giao dịch của Xí nghiệp liên quan đến vụ án như sau:

+ Được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 03 (trang 26) là công nợ phải thu Công ty Cổ phần Thép Hà Nội với số tiền là 27.264.461.695 đồng; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền là 3.230.706.858 đồng; được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 05 (trang 28) là khoản phải thu khác đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên là 48.134.425.710 đồng đều được xác định là nợ xấu và khó có khả năng thu hồi.

+ Được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 17 (trang 38) là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 đồng do Xí nghiệp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 đồng do Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung vay hộ Xí nghiệp; khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 266.725.076 đồng, vay cá nhân bà Trần Thị Thục số tiền là 77.820.037 đồng và Công ty Cổ phần Thép Mitsui Vina số tiền là 1.331.179.529 đồng. Đây các khoản vay mà Xí nghiệp không có biên bản xác nhận và được xác định khó có khả năng thanh toán.

Do vụ việc đang được điều tra lại, chưa có bản án cuối cùng nên Kiểm toán viên chưa có cơ sở để điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính giữa hợp nhất giữa niên độ. Đồng thời, Kiểm toán viên cũng không xác định được ảnh hưởng của các vấn đề đã trình bày đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

- 5- Khoản mục “Hàng tồn kho” bao gồm chiếc máy in màu Planeta đã bị hư hỏng, không sử dụng được của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật với số tiền là 1.161.556.338 đồng nhưng chưa được đánh giá lại để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Kiểm toán viên cũng không xác định được mức độ suy giảm của tài sản này để có những điều chỉnh khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan.
- 6- Tại ngày 30/06/2019, khoản công nợ phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật lần lượt là 65.166.180.990 đồng và

65.154.909.973 đồng nhưng chưa được đánh giá mức độ tổn thất và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

- 7- Khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” bao gồm khoản tiền thuế đất và tiền chậm nộp thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật tại địa chỉ 16+18 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Thông báo số 0111T10XNN/TB-CCT-QLN ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thuế Quận Hoàn Kiếm với số tiền là 8.033.532.870 đồng cho các năm tài chính trước năm 2018 mà chưa được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh các kỳ kế toán tương ứng.
- 8- Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật chưa ghi nhận trên sổ sách kế toán khoản tiền thuê đất kỳ 1/2019; tiền chậm nộp phát sinh năm 2019 số tiền 1.051.873.981 đồng và tiền thuê nhà 6 tháng đầu năm 2019 tại 16+18 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội số tiền là 1.204.956.000 đồng. Đồng thời, Công ty chưa thực hiện đánh giá tỷ giá khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 77/10/TL/HN ngày 02/08/2010 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thăng Long, gốc vay còn nợ tại thời điểm 30/06/2019 là 428.507 USD.
- 9- Tại ngày 30/06/2019, một số khoản trả trước cho người bán của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí có hợp đồng mua bán đã bị hủy nhưng các khoản ứng trước này chưa được thu hồi. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng phải thu cho các khoản này.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Lỗ lũy kế được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty là (12.973.717.483) đồng. Chiếm phần lớn trong đó là lỗ lũy kế của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị Toàn Bộ và Kỹ thuật (Công ty TechnoImport) là (14.949.096.959) đồng. Vốn đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty TechnoImport là 35.893.995.830 đồng, chiếm khoảng 3% giá trị khoản “Đầu tư vào công ty con” của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị - CTCP. Ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport, theo đó, Tổng Công ty đề xuất với Bộ Công Thương tái cơ cấu, thoái 100% Vốn đầu tư bằng phương thức bán doanh nghiệp có kế thừa công nợ hoặc thực hiện việc phá sản doanh nghiệp (nếu không bán được). Ngày 22/06/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Hiện nay, Tổng Công ty đang thực hiện thoái vốn tại Công ty này.

Vấn đề khác

- Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2019, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng cân đối kế toán là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.
- Điểm a, Khoản 1, Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2014 qui định “Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”. Theo tinh thần đó, ngày 09/05/2017, Tổng Công ty đã trở thành Công ty đại chúng và ngày 08/12/2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, Tổng Công ty chưa có biên bản bàn giao số liệu kế toán từ loại hình Công ty TNHH NN MTV sang loại hình Công ty cổ phần.



A red circular stamp from CPA Vietnam is overlaid with a blue ink signature. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0101917917", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM".

Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019



Partial view of a red circular stamp on the right edge of the page, showing the text "VIỆT NAM" and a star.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 01A-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.385.054.794.710	1.441.402.645.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	55.715.104.441	88.981.907.416
1. Tiền	111		21.092.202.780	43.461.053.375
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.622.901.661	45.520.854.041
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	200.467.630.000	206.543.410.508
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.467.630.000	1.467.630.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		199.000.000.000	205.075.780.508
III. Các khoản phải thu	130		710.349.340.665	779.860.802.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	536.360.946.649	640.656.522.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		124.287.899.850	95.991.564.035
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	1.101.063.400	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	99.767.679.483	93.446.121.994
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.03	(51.168.248.717)	(51.038.905.918)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	360.030.545.740	310.029.112.482
1. Hàng tồn kho	141		360.030.545.740	310.029.112.482
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.492.173.864	55.987.412.361
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	341.516.120	296.689.907
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.408.580.420	49.757.933.672
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	6.742.077.324	5.932.788.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.014.440.065.051	1.018.182.944.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.508.578.238	2.523.660.019
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	2.508.578.238	2.523.660.019
II. Tài sản cố định	220		712.855.673.738	724.463.983.203
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	676.869.887.636	687.978.609.839
- Nguyên giá	222		978.992.124.747	973.066.608.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(302.122.237.111)	(285.087.998.322)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	35.985.786.102	36.485.373.364
- Nguyên giá	228		39.650.654.206	39.650.654.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.664.868.104)	(3.165.280.842)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	29.584.910.459	30.027.668.537
- Nguyên giá	231		33.027.988.644	33.027.988.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.443.078.185)	(3.000.320.107)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	78.282.954.581	69.868.180.725
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		78.282.954.581	69.868.180.725
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	77.099.140.364	77.209.140.364
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.386.655.858	54.386.655.858
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.712.484.506	22.712.484.506
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	259		-	110.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		114.108.807.671	114.090.311.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	114.108.807.671	114.090.311.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.399.494.859.761	2.459.585.589.837

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01A-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		988.325.358.997	1.047.001.761.736
I. Nợ ngắn hạn	310		854.437.266.803	914.638.402.190
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	178.518.100.168	230.387.536.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		149.983.996.944	103.779.734.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	41.164.293.283	42.418.865.123
4. Phải trả người lao động	314		99.858.841.360	129.301.858.714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	57.728.636.900	58.112.488.743
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		98.836.775	98.836.775
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	998.313.620	1.333.001.692
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	52.586.445.218	55.611.297.638
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	266.919.762.701	287.779.765.050
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.580.039.834	5.815.017.665
II. Nợ dài hạn	330		133.888.092.194	132.363.359.546
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	1.794.693.736	1.794.693.736
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	129.587.268.151	129.232.678.151
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	2.506.130.307	1.335.987.659
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.411.169.500.764	1.412.583.828.101
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.411.169.500.764	1.412.583.828.101
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.783.409	649.783.409
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(12.973.717.483)	(11.550.529.636)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.689.741.378)	(14.707.616.607)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.716.023.895	3.157.086.971
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		6.061.326.800	6.052.466.290
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.399.494.859.761	2.459.585.589.837

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiền



Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B 02A-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	531.862.796.230	634.888.902.698
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		209.090.909	66.236.327
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		531.653.705.321	634.822.666.371
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	482.800.161.939	588.017.259.615
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		48.853.543.382	46.805.406.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	8.740.079.604	8.835.280.276
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	8.884.892.793	7.375.742.231
- Trong đó: Chi phí lãi vay			8.637.041.888	6.817.836.471
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	3.928.800
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	2.703.357.921	2.431.555.610
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	43.790.065.392	47.282.765.127
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.215.306.880	(1.445.447.136)
12. Thu nhập khác	31	VI.07	2.133.656.478	5.268.514.831
13. Chi phí khác	32	VI.08	1.250.024.762	3.703.871.126
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		883.631.716	1.564.643.705
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.098.938.596	119.196.569
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	791.645.577	77.018.199
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		2.307.293.019	42.178.370
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	61		16.295.977	(17.482.125)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		2.290.997.042	59.660.495
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	12	0,3

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiền



Trần Thị Thu Trang



TỔNG
CÔNG TY
MÁY VÀ THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP-
CTCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu số B 03A - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1 Lợi nhuận trước thuế		3.098.938.596	42.178.370
2 Điều chỉnh cho các khoản		18.544.569.621	14.592.292.274
- Khấu hao TSCĐ	02	17.392.091.260	14.269.264.546
- Các khoản dự phòng	03	129.342.799	(498.409.961)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	177.523.042	(4.764.846)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.888.953.979)	(5.991.633.936)
- Chi phí lãi vay	06	8.734.566.499	6.817.836.471
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.643.508.217	14.634.470.644
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	95.058.229.517	(15.660.482.476)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(50.001.433.256)	21.361.947.231
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(65.606.145.660)	20.350.780.649
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	585.826.524	(1.061.306.076)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	28.715.629
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.306.338.433)	(6.940.731.189)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.090.815.097)	(401.176.488)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.345.716.470	(1.908.617.291)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.175.464.197)	(16.868.503.677)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.546.915.916)	13.535.096.957
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.939.975.940)	(66.439.749.813)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	55.000.000	1.064.787.287
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(79.622.911.798)	(116.140.499.474)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.285.326.223	42.460.000.000
5 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	638.090.107
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.224.947.887	8.596.475.494
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.997.613.628)	(129.820.896.399)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	272.049.688.141	321.635.313.904
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(291.788.464.801)	(237.670.746.131)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.738.776.660)	83.964.567.773

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 03A - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(33.283.306.204)	(32.321.231.669)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	88.981.907.416	89.329.570.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	16.503.229	1.706.738
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	55.715.104.441	57.010.045.952

Người lập

Nguyễn Hữu Hiến

TB. Tài chính kế toán

Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng). Cụ thể, tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
- Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ Cổ đông là cá nhân	49.000	490.000.000	0,0345%
+ Cổ đông là tổ chức	20.000	200.000.000	0,0141%
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Văn Phòng Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị - Sản xuất các cấu kiện kim loại	100%	100%
II. Đơn vị phụ thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%
III. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
IV. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
2. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia		2,149%	2,149%
3. Công ty CP Công đoàn Giấy			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam (ký hiệu "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán số 27- Báo cáo tài chính giữa niên độ và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trừ khi khoản đầu tư dự kiến được thanh lý trong tương lai gần và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP đối với các khoản lãi hoặc lỗ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần sở hữu các khoản tăng, giảm của các quỹ dự trữ công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong quỹ dự trữ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2019</u> (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động.

Các chi phí phát sinh trong kỳ hoạt động nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của chúng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Tổng Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất nói chung.

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	2.565.951.626	3.860.091.493
Tiền gửi ngân hàng	18.526.251.154	39.600.961.882
Các khoản tương đương tiền (TGNH dưới có kỳ hạn dưới 3 tháng)	34.622.901.661	45.520.854.041
Tổng cộng	<u>55.715.104.441</u>	<u>88.981.907.416</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	<u>30/06/2019</u>			<u>01/01/2019</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Chứng khoán kinh doanh thuộc về Công ty TNHH</i>						
<i>MTV XNK sản phẩm cơ khí</i>	1.467.630.000	1.467.630.000	-	1.467.630.000	1.467.630.000	-
CONTREXIM (7625 CP)	378.200.000	378.200.000	-	378.200.000	378.200.000	-
ABBANK (24.164 CP)	1.089.430.000	1.089.430.000	-	1.089.430.000	1.061.640.000	-
Tổng cộng	<u>1.467.630.000</u>	<u>1.467.630.000</u>	<u>-</u>	<u>1.467.630.000</u>	<u>1.467.630.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

02. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
b1) Ngắn hạn				
Văn Phòng Tổng Công ty	199.000.000.000	199.000.000.000	205.075.780.508	205.075.780.508
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	89.000.000.000	89.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	83.000.000.000	83.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	90.100.000.000	90.100.000.000	153.712.414.425	153.712.414.425
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	90.100.000.000	90.100.000.000	77.100.000.000	77.100.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	-	-	1.612.414.425	1.612.414.425
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	3.413.366.083	3.413.366.083
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	3.000.000.000	3.000.000.000	3.413.366.083	3.413.366.083
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000	15.950.000.000	15.950.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	10.000.000.000	10.000.000.000	10.950.000.000	10.950.000.000
b2) Dài hạn	1.900.000.000	1.900.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	-	-	110.000.000	110.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	110.000.000	110.000.000
Tổng cộng	199.000.000.000	199.000.000.000	205.185.780.508	205.185.780.508

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội (1)	1.763.148.363	(*)	-	1.763.148.363	(*)	-
Liên doanh tòa nhà IBC Trảng Thi	23.507.495	(*)	-	23.507.495	(*)	-
Công ty CP Công Đoàn giấy	100.000.000	(*)	-	100.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia (2)	52.500.000.000	(*)	-	52.500.000.000	(*)	-
Tổng cộng	54.386.655.858	-	-	54.386.655.858	-	-

(1): Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn – Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng. Đến thời điểm này, Tổng Công ty mới chỉ thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn – Hà Nội cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018. Do đó, giá trị khoản đầu tư vào Công ty này tại ngày 30/06/2019 trên Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu chỉ bao gồm phần lãi, lỗ từ ngày đầu tư đến ngày 30/06/2018.

(2): Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sang lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu là 2,149%. Đến thời điểm này, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia và khoản đầu tư này đang được ghi nhận theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Đá Mài Hải Dương (3)	3.381.542.806	(*)	-	3.381.542.806	(*)	-
Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng (4)	1.432.012.200	(*)	-	1.432.012.200	(*)	-
Công ty CP Xi măng Đồng Bành (5)	14.383.360.000	(*)	-	14.383.360.000	(*)	-
+ <i>Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (5a)</i>	<i>1.478.360.000</i>	<i>(*)</i>	<i>-</i>	<i>1.478.360.000</i>	<i>(*)</i>	<i>-</i>
+ <i>Vốn góp của các cổ đông khác (5b)</i>	<i>12.905.000.000</i>	<i>(*)</i>	<i>-</i>	<i>12.905.000.000</i>	<i>(*)</i>	<i>-</i>
Công ty CP Café SAHA	850.000.000	(*)	-	850.000.000	(*)	-
Ngân hàng TMCP Eximbank	2.665.569.500	(*)	-	2.665.569.500	(*)	-
Tổng cộng	22.712.484.506	-	-	22.712.484.506	-	-

(3) Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 30/06/2019, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng.

(4) Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/05/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Hiện nay, Tổng Công ty đang thực hiện quá trình thoái hết phần vốn tại Công ty này.

(5) Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(5a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty.

(5b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

(): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.*

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

03. Phải thu khách hàng

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn	536.360.946.649	51.168.248.717	640.656.522.565	51.038.905.918
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	5.071.413.000	-	5.071.413.000	-
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	43.004.923.370	-	43.004.923.370	-
Tổng công ty CP Thương mại Xây dựng	6.213.468.679	-	26.213.468.679	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.596.370.548	2.596.370.548	2.596.370.548	2.596.370.548
Công ty CP Cơ khí điện lực	2.342.718.153	2.342.718.153	2.742.718.153	2.542.718.153
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	10.623.747.452	-	26.812.839.068	-
Công ty CP Kim khí Miền Bắc	-	-	24.075.190.744	-
Công ty CP Quốc tế Minh Hải	12.730.936.820	-	11.279.481.840	-
Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 4	2.377.707.853	-	13.123.709.849	-
Công ty CP Thương mại CITICOM	-	-	12.126.832.200	-
Công ty CP Cơ khí 41 Thăng Long	3.773.240.420	-	10.040.116.020	-
Công ty CP Cơ khí Tiên Sơn	2.937.956.915	-	5.881.787.047	-
Công ty TNHH ứng dụng Công nghệ mới NV	-	-	6.550.741.638	-
Công ty CP Thiết bị công nghiệp Maksteel	5.127.137.541	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đại Phát	6.108.140.099	-	4.980.819.644	-
Công ty CP Thép Hà Nội (*)	27.264.461.695	-	27.264.461.695	-
Công ty TNHH ABB	7.162.064.879	-	6.477.533.428	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh (**)	3.230.706.858	-	3.230.706.858	-
Công ty TNHH Metal One (Việt Nam)	15.933.220.883	-	-	-
Công ty CP TM&SX Thiên Hoàng Long	18.249.601.843	-	18.262.101.843	-
Công ty TNHH TN và XD Thái Phát	7.963.792.436	-	9.687.702.404	-
Công ty TNHH KD và PT TM Hoàng Ngân	3.330.262.380	-	7.230.262.380	-
Công ty TNHH Kinh Doanh XNK H&Q	5.370.853.000	-	11.083.853.000	-
Công ty TNHH XNK TM Đại Hồng Phát	187.000.000	-	9.767.046.000	-
Công ty CP Đầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.826.251.976	-	10.826.251.976	-
Công ty South Capital Company Limited	17.058.535.870	-	17.058.535.870	-
Công ty TNHH ĐT Công nghệ và TM Việt Nam	28.315.360.500	-	28.315.360.500	-
Công ty TNHH 289	64.096.107.196	15.124.777.157	65.096.107.196	15.124.777.157
Công ty CP Nam Vang	48.436.854.941	29.392.227.062	48.636.854.941	29.392.227.062
Công ty CP DV&KTTH - HCD	31.561.677.516	-	19.481.530.152	-
Công ty CP Thép Hoà phát Dung Quất	11.930.544.145	-	39.832.041.319	-
Công ty CP Thép Hòa Phát Hưng Yên	7.469.955.901	-	-	-
Đối tượng khác	125.065.933.780	1.712.155.797	123.905.761.202	1.382.812.998
b) Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	536.360.946.649	51.168.248.717	640.656.522.565	51.038.905.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(*): Là khoản dư nợ phải thu từ phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa từ tháng 1/2012 đến tháng 5/2012 giữa Công ty CP Thép Hà Nội và Xí nghiệp Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Tổng hợp do Ông Nguyễn Duy Xuyên làm đại diện. Hiện các giao dịch này đều liên quan đến vụ án hình sự mà Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an TP Hà Nội đã ra quyết định khởi tố vụ án số 142/PC 44 (Đ2) ngày 10/03/ ngày 10/04/2013, Quyết định khởi tố bị can số 572/PC44(DD2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp. Đến nay, Viện Kiểm soát nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra cáo trạng số 419/CT-VKS-P3 ngày 21/10/2015 truy tố đối với các bị can như sau: Đối với Nguyễn Duy Xuyên về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a và Điều 267, Khoản 1 Bộ Luật Hình sự; đối với Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương và Tăng Thị Thanh Hà về tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a của Bộ Luật hình sự, đề nghị Tòa án tuyên buộc bị can Nguyễn Duy Xuyên, Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương và Tăng Thị Thanh Hà phải bồi thường cho các nguyên đơn dân sự theo quy định của Pháp luật. Đến nay đã có bản án phúc thẩm số 535/2018/HSPT ngày 14-15/08/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29-30/09/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để điều tra lại. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, chưa có kết luận cuối cùng của cấp có thẩm quyền đối với vụ án hình sự nói trên.

(**): Là công nợ phải thu Công ty TNHH SX và TM Thế Anh của Xí nghiệp KD XNK – Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung, theo biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2013 xác nhận và giấy mượn tiền của Ông Nguyễn Duy Xuyên đã vay Công ty Thế Anh số tiền bằng tiền mặt là 3.250.000.000 đồng, trong đó có ghi nội dung khi Ông Xuyên trả lại số tiền mượn này thì Công ty TNHH SX và TM Thế Anh mới chuyển trả khoản công nợ phải thu vào tài khoản của Xí nghiệp KD XNK. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2014, Công ty TNHH SX và TM Thế Anh có đề nghị bù trừ công nợ. Tuy nhiên, do ông Xuyên đang bị tạm giam điều tra nên việc bù trừ này chưa được thực hiện.

04. Phải thu nội bộ

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Công ty CP Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	-	637.500.000	-
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam	168.000.000	-	168.000.000	-
Công ty CP Đá Mài Hải Dương	295.563.400	-	-	-
Tổng cộng	1.101.063.400	-	805.500.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

05. Phải thu khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	99.767.679.483	-	93.446.121.994	-
Chi phí cổ phần hóa	4.213.830.794	-	4.926.195.383	-
Phải thu về BHXH, BHYT, KPCĐ	162.496.453	-	207.751.863	-
Phải thu người lao động	176.286.137	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Phú Điền	-	-	4.500.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Xuyên (*)	48.134.425.710	-	48.302.702.991	-
Cục Hải quan thành phố Hải Phòng (**)	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
Ký quỹ, ký cược	10.493.183.430	-	228.358.619	-
Phải thu khác	12.819.410.432	-	12.532.213.617	-
Tạm ứng	17.652.629.595	-	16.633.482.589	-
b) Phải thu dài hạn khác	2.508.578.238	-	2.523.660.019	-
Ký cược, ký quỹ	286.500.000	-	186.500.000	-
Tiền GPMB chờ bù trừ với tiền thuê đất hàng năm	2.222.078.238	-	2.337.160.019	-
Tổng cộng	102.276.257.721	-	95.969.782.013	-

(*): Là khoản công nợ phải thu của Xí nghiệp Kinh doanh XNK tổng hợp thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Đối tượng nợ trực tiếp là Ông Nguyễn Duy Xuyên – đối tượng đang bị điều tra như đã trình bày tại Đoạn 3 – Phải thu khách hàng. Khoản phải thu này cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Nội dung	Số tiền
- Lãi vay tạm tính đến ngày 31/12/2012 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội và Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Chi phí lãi vay này đã điều chỉnh theo Công văn số 503 ngày 30/07/2013 và đang chờ phán quyết cuối cùng của Tòa án để xử lý.	14.084.336.667
- Công nợ phải thu Công ty TNHH Huy Hùng chuyển sang công nợ phải thu cá nhân ông Nguyễn Duy Xuyên theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/04/2013 và ngày 06/11/2013. Lý do: Ông Nguyễn Duy Xuyên đã nhận tiền mặt của khách hàng nhưng không nộp về quỹ Công ty.	33.988.140.043
- Công nợ phải thu Công ty TNHH Cơ khí Việt A chuyển sang công nợ phải thu cá nhân Ông Nguyễn Duy Xuyên theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/11/2013 (do ông Nguyễn Duy Xuyên đã nhận tiền mặt của khách hàng nhưng không nộp về Công ty)	20.000.000
- Phải thu ông Nguyễn Duy Xuyên do trên sổ kê toán của Xí Nghiệp còn dư quỹ tiền mặt nhưng theo kết quả kiểm kê quỹ và kiểm tra phá kết tại phòng làm việc của Xí Nghiệp thì không còn.	41.949.000
Cộng	48.134.425.710

(**): Là khoản công nợ phải thu ngắn hạn khác của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật. Đây là Khoản tiền thuế GTGT bị truy thu của lô hàng nhập nhậu xe ô tô những năm 2004, năm 2005. Cụ thể:

- Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/04/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế. Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) – Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004-2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước.
- Ngày 24/11/2014, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 đồng của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật.
- Ngày 12/06/2015, Bộ Tài chính đã có văn bản số 7818/BTC-TCDN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu “Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

06. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.036.015.869	-	41.220.924.965	-
Công cụ, dụng cụ	6.332.061.159	-	6.051.436.482	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	226.833.028.558	-	192.095.337.904	-
Thành phẩm	47.654.612.427	-	38.194.540.648	-
Hàng hóa	44.402.520.502	-	30.845.691.745	-
Hàng gửi đi bán	1.772.307.225	-	1.621.180.738	-
Tổng cộng	360.030.545.740	-	310.029.112.482	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	548.086.554.674	379.491.515.798	41.559.704.413	1.534.573.276	2.394.260.000	973.066.608.161
<i>Tăng trong kỳ</i>	438.705.410	3.294.845.001	2.226.029.975	-	-	5.959.580.386
- Mua trong kỳ	-	3.294.845.001	1.381.264.818	-	-	4.676.109.819
- XDCB hoàn thành	379.369.550	-	-	-	-	379.369.550
- Tăng khác	59.335.860	-	844.765.157	-	-	904.101.017
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	34.063.800	-	-	-	34.063.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.063.800	-	-	-	34.063.800
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	548.525.260.084	382.752.296.999	43.785.734.388	1.534.573.276	2.394.260.000	978.992.124.747
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	95.667.790.352	167.200.838.338	21.042.407.228	1.154.277.100	22.685.304	285.087.998.322
<i>Tăng trong kỳ</i>	7.135.253.346	8.056.918.220	1.787.041.777	59.160.996	29.928.250	17.068.302.589
- Khấu hao trong kỳ	7.135.253.346	8.056.918.220	1.787.041.777	59.160.996	29.928.250	17.068.302.589
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	34.063.800	-	-	-	34.063.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.063.800	-	-	-	34.063.800
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	102.803.043.698	175.223.692.758	22.829.449.005	1.213.438.096	52.613.554	302.122.237.111
Giá trị còn lại						
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	452.418.764.322	212.290.677.460	20.517.297.185	380.296.176	2.371.574.696	687.978.609.839
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	445.722.216.386	207.528.604.241	20.956.285.383	321.135.180	2.341.646.446	676.869.887.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

08. Tăng giảm tài sản vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	37.220.221.480	-	-	2.430.432.726	-	39.650.654.206
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	37.220.221.480	-	-	2.430.432.726	-	39.650.654.206
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	2.529.440.178	-	-	635.840.664	-	3.165.280.842
<i>Tăng trong kỳ</i>	406.290.936	-	-	93.296.326,00	-	499.587.262
- Khấu hao trong kỳ	406.290.936	-	-	93.296.326	-	499.587.262
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	2.935.731.114	-	-	729.136.990	-	3.664.868.104
Giá trị còn lại						
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	34.690.781.302	-	-	1.794.592.062	-	36.485.373.364
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	34.284.490.366	-	-	1.701.295.736	-	35.985.786.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

09. Tăng giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Cơ sở hạ tầng	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá					
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	-	-	33.027.988.644	-	33.027.988.644
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-	-	-	-
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	-	-	33.027.988.644	-	33.027.988.644
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	-	-	3.000.320.107	-	3.000.320.107
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	442.758.078	-	442.758.078
- Khấu hao trong kỳ	-	-	442.758.078	-	442.758.078
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	-	-	3.443.078.185	-	3.443.078.185
Giá trị còn lại					
<i>Tại ngày 01/01/2019</i>	-	-	30.027.668.537	-	30.027.668.537
<i>Tại ngày 30/06/2019</i>	-	-	29.584.910.459	-	29.584.910.459

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

10. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang	78.282.954.581	78.282.954.581	69.868.180.725	69.868.180.725
DA di dời và xây dựng nhà máy mới tại KCN Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	11.008.316.544	11.008.316.544	8.208.885.764	8.208.885.764
Chi phí của dự án "Di chuyển cải tạo và nâng cấp năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	4.924.730.849	4.924.730.849	4.924.730.849	4.924.730.849
Dự án Di chuyển và xây dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	62.349.907.188	62.349.907.188	56.734.564.112	56.734.564.112
Tổng cộng	78.282.954.581	78.282.954.581	69.868.180.725	69.868.180.725

11. Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	341.516.120	296.689.907
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	334.781.945	284.440.018
- Các khoản khác	6.734.175	12.249.889
b) Dài hạn	114.108.807.671	114.090.311.545
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	74.597.167.645	75.404.340.646
- Chi phí công cụ, dụng cụ	3.455.802.604	3.143.113.901
- Trợ cấp mất việc làm	995.283.736	1.707.004.000
- Chi phí xây dựng hạ tầng	6.880.000.000	6.880.000.000
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.963.591.915	10.022.421.099
- Chi phí khấu hao TSCĐ chưa phân bổ (*)	4.481.433.132	3.862.876.464
+ Năm 2016	1.388.649.792	1.388.649.792
+ Năm 2017	1.237.113.336	1.237.113.336
+ Năm 2018	1.237.113.336	1.237.113.336
+ 6 tháng đầu năm 2019	618.556.668	-
- Khác	13.735.528.639	13.070.555.435
Cộng	114.450.323.791	114.387.001.452

(*): Là khấu hao năm 2016, năm 2017, năm 2018 và 06 tháng đầu năm 2019 của Dây chuyền sản xuất CNC thuộc Công ty CP Dụng cụ số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

12. Phải trả người bán

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	178.518.100.168	167.114.239.577	230.387.536.305	218.983.675.714
Công ty CP Thương mại CITICOM	3.413.288.700	3.413.288.700	19.918.964.166	19.918.964.166
Guilin Guiye Industrial Co., Ltd	10.190.385.632	10.190.385.632	10.096.615.767	10.096.615.767
TVM Trading Company Limited	7.240.860.230	7.240.860.230	10.550.363.706	10.550.363.706
Công ty CP Cơ khí 41 Thăng Long	2.459.810.914	2.459.810.914	11.477.067.814	11.477.067.814
Tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp (*)	11.403.860.591	-	11.403.860.591	-
Công ty CP Kim khí Quốc tế Việt Nhật	10.506.420.855	10.506.420.855	-	-
Công ty CP Thép hình Hà Nội	5.415.476.911	5.415.476.911	5.000.048.427	5.000.048.427
Công ty CP kinh doanh thép hình	4.238.414.484	4.238.414.484	1.983.478.550	1.983.478.550
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Hưng Long	3.001.353.300	3.001.353.300	2.801.854.138	2.801.854.138
Công ty TNHH Z179	4.860.370.249	4.860.370.249	17.821.354.249	17.821.354.249
Doanh nghiệp tư nhân Trung Anh	3.437.099.600	3.437.099.600	2.952.329.050	2.952.329.050
Công ty CP Vật tư Thiết bị kỹ thuật Toàn bộ	13.035.885.280	13.035.885.280	262.620.600	262.620.600
Đối tượng khác	99.314.873.422	99.314.873.422	136.118.979.247	136.118.979.247
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	178.518.100.168	167.114.239.577	230.387.536.305	218.983.675.714

(*): Khoản phải trả của Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung. Giám đốc xí nghiệp là ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị giam giữ để điều tra vì có những dấu hiệu cố ý làm sai quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế và gây ra hậu quả nghiêm trọng. khoản nợ phải trả các đối tượng gồm: Công ty Minh Bạch: 3.110.952.400 đồng; Công ty CP Thép Á Châu: 3.465.841.933 đồng; NM Thép Việt Mỹ- Công ty TNHH Minh Bạch: 1.565.485.884 đồng; Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD: 3.261.580.374 đồng. Đây là khoản công nợ có liên quan đến Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp và ông Nguyễn Duy xuyên. Tại 30/06/2019, khoản công nợ này xác định khó có khả năng chi trả.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPĐịa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy
- Q.Hai Bà Trưng - Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**a) Phải thu**

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Đã thu/ đã khấu trừ</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	37.247.407	65.406.299	1.287.559	101.366.147
+ Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	37.247.407	65.406.299	1.287.559	101.366.147
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	302.187	302.187	-
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	5.280.586.771	851.492.101	171.562.652	5.960.516.220
Thuế thu nhập cá nhân	153.845.750	13.225.540	154.992.432	12.078.858
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	340.828.808	440.589.028	207.157.783	574.260.053
Các loại thuế khác	26.424.000	-	26.424.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.416.121	-	-	93.416.121
Tổng cộng	5.932.788.782	1.371.015.155	561.726.613	6.742.077.324

b) Phải trả

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	17.393.966.872	5.137.248.914	6.107.538.447	16.423.677.339
+ Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	16.512.979.856	1.601.192.735	2.571.482.268	15.542.690.323
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	880.987.016	3.536.056.179	3.536.056.179	880.987.016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	38.580.121	38.580.121	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	435.975.493	435.975.493	2.209.306.104
Thuế TNDN	1.169.678.783	756.907.246	1.248.237.851	678.348.178
Thuế TNCN	284.557.575	787.906.996	741.409.431	331.055.140
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	8.033.532.870	1.439.611.352	1.589.611.352	7.883.532.870
Các loại thuế khác	71.446.795	907.858.465	976.205.260	3.100.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.571.994.697	401.945.641	23.048.113	10.950.892.225
Tổng cộng	42.418.865.123	9.906.034.228	11.160.606.068	41.164.293.283

14. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn	57.728.636.900	58.112.488.743
Lãi vay phải trả	4.720.206.736	4.623.674.870
Phí thuê văn phòng, nhà xưởng	7.237.335.954	7.555.517.772
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Khác	44.335.821.589	44.498.023.480
b) Dài hạn	1.794.693.736	1.794.693.736
Khác	1.794.693.736	1.794.693.736
Cộng	59.523.330.636	59.907.182.479

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn	998.313.620	1.333.001.692
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	998.313.620	1.333.001.692
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	998.313.620	1.333.001.692

16. Phải trả khác

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn	52.586.445.218	55.611.297.638
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.257.988.040	4.257.988.040
Kinh phí công đoàn	796.020.088	936.441.209
Bảo hiểm xã hội	2.395.764.269	1.561.655.721
Bảo hiểm y tế	59.444.875	54.920.687
Bảo hiểm thất nghiệp	198.728.899	117.054.666
Nhận ký quỹ, ký cược	758.500.000	263.500.000
Phải trả cho lao động dôi dư	-	57.407.500
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	952.787.236
Phải trả phải nộp khác	31.214.999.047	34.504.542.579
b) Dài hạn	129.587.268.151	129.232.678.151
+ Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội (*)	118.000.000.000	118.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào (**)	9.531.600.000	9.531.600.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.055.668.151	1.701.078.151
Cộng	182.173.713.369	184.843.975.789

(*): Khoản tiền thu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ứng trước cho Công ty để thực hiện dự án “Di chuyển, cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1: theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT-TJC ngày 3/4/2009 về việc “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

(**): Khoản thu từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào trả do giảm phần diện tích sàn xây dựng nhận được của Dự án “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	266.919.762.701	215.991.228.763	287.779.765.050	236.851.231.112
<i>Vay ngắn hạn (VND)</i>	<i>262.919.762.701</i>	<i>211.991.228.763</i>	<i>283.779.765.050</i>	<i>232.851.231.112</i>
Vay ngân hàng	248.532.994.833	199.280.185.537	278.850.037.591	229.597.228.295
Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
Vay cá nhân	12.788.863.263	12.711.043.226	3.331.822.854	3.254.002.817
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
b) Vay dài hạn	2.506.130.307	2.506.130.307	1.335.987.659	1.335.987.659
Vay ngân hàng	2.506.130.307	2.506.130.307	1.335.987.659	1.335.987.659

Các khoản vay ngắn hạn không đánh giá được khả năng trả nợ thuộc về Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung như sau:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	49.252.809.296	-	49.252.809.296	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Đông Hà Nội (*)	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Hà Nội (**)	24.990.000.000	-	24.990.000.000	-
Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
Công đoàn Công ty	266.725.076	-	266.725.076	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsui Vina	1.331.179.529	-	1.331.179.529	-
Vay cá nhân	77.820.037	-	77.820.037	-
Bà Trần Thị Thược	77.820.037	-	77.820.037	-
Tổng cộng	50.928.533.938	-	50.928.533.938	-

(*): Vay của Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 160-11/2011/HĐTD ngày 30/06/2011, hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 21%/năm). Công ty đã đứng tên để vay vốn lưu động cho Xí nghiệp để kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 A- DN/HN ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Hình thức đảm bảo tiền vay là cho vay không có tài sản đảm bảo thực hiện biện pháp bổ sung tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý và nhà cửa vật kiến trúc.

(**): Vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201000188 ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 01 ngày 08/09/2011 với hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng đến hết ngày 31/05/2012, tài sản thế chấp là hàng tồn kho theo Hợp đồng số 10/HĐTC/NHN-XNKTH ngày 22/04/2012. Khoản vay này theo giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 02/03/2010 của Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung, giấy ủy quyền này có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký. Lãi suất điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng theo số dư, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung không đánh giá được khả năng trả nợ của các khoản nợ trên do các khoản vay này đều liên quan đến vụ án xét xử ông Nguyễn Duy Xuyên.

18.Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2018	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(12.461.178.181)	6.037.509.663	1.411.658.222.929
- Lãi trong kỳ	-	-	-	5.365.990.341	32.429.570	5.398.419.911
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.349.692.706)	(17.472.943)	(4.367.165.649)
- Giảm khác	-	-	-	(105.649.090)	-	(105.649.090)
Số dư ngày 31/12/2018	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(11.550.529.636)	6.052.466.290	1.412.583.828.101
Số dư ngày 01/01/2019	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(11.550.529.636)	6.052.466.290	1.412.583.828.101
- Lãi trong năm	-	-	-	2.290.997.042	16.295.977	2.307.293.019
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.683.241.342)	(7.435.467)	(3.690.676.809)
- Giảm khác	-	-	-	(30.943.547)	-	(30.943.547)
Số dư ngày 30/06/2019	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(12.973.717.483)	6.061.326.800	1.411.169.500.764



TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2019	01/01/2019
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

c) Các giao dịch về vốn

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

d) Cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu

Ghi chú: Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2019 là 1.418.634.488.001 đồng, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 1.419.915.000.000 đồng. Như vậy, Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2019 nhỏ hơn Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.280.511.999 đồng là do việc xử lý tài chính theo quy định tại ngày Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty vẫn đang tiến hành quyết toán công tác cổ phần hóa nên việc điều chỉnh để Vốn đầu tư của chủ sở hữu khớp đúng với Vốn Điều lệ sẽ được thực hiện khi có kết quả của công tác quyết toán cổ phần hóa.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BÁN NIÊN HỢP NHẤT (Đơn vị tính: VND)**01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	337.268.541.259	455.564.580.684
Doanh thu bán thành phẩm	128.051.430.283	109.143.889.598
Doanh thu công trình	66.238.373.092	69.642.112.512
Doanh thu khác	304.451.596	538.319.904
Tổng cộng	531.862.796.230	634.888.902.698

02. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	308.672.971.013	422.983.307.987
Giá vốn của thành phẩm đã bán	113.730.946.758	98.401.999.753
Giá vốn công trình	60.396.244.168	66.631.951.875
Tổng cộng	482.800.161.939	588.017.259.615

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	8.320.099.388	8.390.279.922
Lãi chuyển nhượng vốn	-	61.909.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	399.332.400	330.370.662
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.226.778	989.210
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.421.038	51.730.589
Tổng cộng	8.740.079.604	8.835.280.276

04. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Lãi tiền vay	8.637.041.888	6.817.836.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá	211.427.203	200.828.902
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	352.814.600
Chi phí khác	36.423.702	4.262.258
Tổng cộng	8.884.892.793	7.375.742.231

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

05. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Chi phí nhân viên bán hàng	452.099.235	1.065.048.827
Chi phí vật liệu quản lý	1.264.706.336	324.628.399
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	77.264.909	27.377.176
Chi khí khấu hao TSCĐ	-	4.454.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.886.364	429.534.626
Chi phí bằng tiền khác	840.463.416	580.512.037
Chi phí bảo hành	3.165.596	-
Thuế, phí, lệ phí	240.000	-
Chi phí hoa hồng	33.532.065	-
Tổng cộng	2.703.357.921	2.431.555.610

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Chi phí nhân viên quản lý	20.143.815.613	19.382.120.106
Chi phí vật liệu, mua đồ dùng văn phòng	1.868.665.486	1.570.557.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.922.163.459	3.328.376.857
Thuế, phí, lệ phí	1.539.584.890	2.320.357.462
Dự phòng phải thu khó đòi	332.283.788	469.721.113
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(200.000.000)	(498.409.961)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.697.561.122	5.990.837.267
Chi phí bằng tiền khác	9.485.991.034	14.719.204.833
Tổng cộng	43.790.065.392	47.282.765.127

07. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	50.000.000	143.000.000
TN về cho thuê máy móc và điện nước kèm theo	167.465.953	-
Tiền hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng	-	3.100.000.000
Khác	1.916.190.525	2.025.514.831
Tổng cộng	2.133.656.478	5.268.514.831

08. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
GTCL của tài sản thanh lý	-	14.859.810
Phạt chậm nộp thuế	702.825.568	1.802.252.792
Chi phí điện, nước, khấu hao máy cho thuê	167.465.953	981.769.708
Khấu hao TSCĐ của các tài sản không sử dụng	297.272.976	-
Các khoản khác	82.460.265	904.988.816
Tổng cộng	1.250.024.762	3.703.871.126

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy
- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Chi phí nhân công	50.288.827.999
Chi phí nguyên, vật liệu	260.476.017.856
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.286.054.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.363.259.583
Dự phòng phải thu khó đòi	(200.000.000)
Thuế, phí, lệ phí	326.162.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.632.780.435
Chi phí bằng tiền khác	12.341.007.050
Tổng cộng	360.514.109.410

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 141.991.500 cổ phiếu.

Tại ngày 30/06/2019, chưa có đơn vị nào trong Tổng Công ty tạm phân phối Lợi nhuận của kỳ hoạt 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 ngoại trừ Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội. Do đó, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi để tính toán chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được tạm lấy theo số liệu của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội với số tiền là 544.029.599 đồng.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

Lợi nhuận thuần trong năm – thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi

2.290.997.042

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

544.029.599

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

-

Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi

1.746.967.443

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

141.991.500

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

12

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCN

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy

- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia	Công ty liên doanh	2,149%
Công ty CP Công đoàn Giấy	Công ty liên doanh	

b) Giao dịch với Bên liên quan

Hội đồng quản trị và người quản lý khác	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2019	Từ ngày 01/01/2018
		đến ngày 30/06/2019	đến ngày 30/06/2018
	Tiền lương và thù lao	1.083.749.058	988.541.580

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019, không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

03. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ có phân loại lại một số chỉ tiêu cho phù hợp. Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét với kết luận ngoại trừ có điều chỉnh lại Phần lãi hay lỗ trong Công ty liên kết. Cụ thể như sau:

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.018.182.944.393	1.018.179.432.641	3.511.752
<i>I. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>687.978.609.839</i>	<i>734.495.248.899</i>	<i>(46.516.639.060)</i>
- Nguyên giá	222	973.066.608.161	1.023.285.538.050	(50.218.929.889)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(285.087.998.322)	(288.790.289.151)	3.702.290.829
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	77.209.140.364	77.205.628.612	3.511.752
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	54.386.655.858	54.383.144.106	3.511.752
VI. Tài sản dài hạn khác	260	114.090.311.545	67.573.672.485	46.516.639.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	114.090.311.545	67.573.672.485	46.516.639.060
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.459.585.589.837	2.459.582.078.085	3.511.752

NGUỒN VỐN	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	914.638.402.190	914.638.402.190	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	55.611.297.638	56.564.084.874	(952.787.236)
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.815.017.665	4.862.230.429	952.787.236
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.412.583.828.101	1.412.580.316.349	3.511.752
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.412.583.828.101	1.412.580.316.349	3.511.752
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	649.783.409	649.792.483	(9.074)
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421	(11.550.529.636)	(11.554.040.316)	3.510.680
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(14.707.616.607)	(14.711.127.287)	3.510.680
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	6.052.466.290	6.052.456.144	10.146
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.459.585.589.837	2.459.582.078.085	3.511.752

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPĐịa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy
- Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Mẫu số B09A - DN/HN ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014*

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24	3.928.800	(13.315.447)	17.244.247
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	119.196.569	101.952.322	17.244.247
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	42.178.370	24.934.123	17.244.247
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	59.660.495	42.416.248	17.244.247

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Chỉ tiêu	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Chênh lệch
1 Lợi nhuận trước thuế		42.178.370	24.934.123	17.244.247
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.991.633.936)	(5.974.389.689)	(17.244.247)

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập

Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính kế toán

Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Hải